

Số: /2025/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số.../BC-BVHXH ngày tháng năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức tiền thưởng và mức chi giải thưởng đối với Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh khi đạt thành tích tại các

đại hội, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu của từng môn thể thao cấp xã, phường, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia, Hội thi thể thao quần chúng, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp xã, phường, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia.

b) Ngoài mức thưởng trong giải và thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước, các vận động viên, huấn luyện viên đạt giải trong các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo Bằng khen.

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các đại hội và giải thi đấu thể thao theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo Bằng khen.

2. Mức thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể thao toàn quốc và Giải thi đấu vô địch quốc gia:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
1	Đại hội thể thao toàn quốc	8.000.000	6.500.000	5.500.000	+ 5.500.000
2	Giải thi đấu vô địch quốc gia	8.000.000	6.500.000	5.500.000	+ 5.500.000

3. Mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia, Hội thi và các giải thi đấu thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc, giải thi đấu thể thao khu vực quốc gia, giải thể thao dành cho người khuyết tật, Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải Đại hội thể thao toàn quốc và giải thi đấu vô địch quốc gia.

4. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Mức thưởng đối với huấn luyện viên:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên tương ứng quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải tương ứng quy định tại

khoản 2 và khoản 3 Điều này. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 05 huấn luyện viên.

6. Đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội, đôi (thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung đối với huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 80% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này

Điều 3. Mức chi giải thưởng đối với vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Mức chi giải thưởng đối với các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

a) Giải cá nhân

STT	Thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải nhất (Huy chương Vàng)	1.600.000
2	Giải nhì (Huy chương Bạc)	1.300.000
3	Giải ba (Huy chương Đồng)	1.100.000

b) Giải toàn đoàn trong Hội thi và các giải thi đấu thể thao

STT	Thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải nhất	4.000.000 đồng
2	Giải nhì	3.500.000 đồng
3	Giải ba	3.000.000 đồng

c) Giải toàn đoàn trong Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đồng

STT	Thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
1	Giải nhất	20.000.000 đồng
2	Giải nhì	16.000.000 đồng
3	Giải ba	11.000.000 đồng

2. Chi thưởng bằng tiền đối với các vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp xã, phường: Mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh.

3. Đối với môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này.

4. Đối với các môn, nội dung thi đấu đồng đội, đôi (thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với 80% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này.

5. Quy định về áp dụng mức chi thưởng

Mức thưởng quy định nêu trên là mức tối đa. Căn cứ khả năng ngân sách được giao theo phân cấp, quy mô cụ thể của mỗi giải thể thao, khả năng huy động các nguồn thu hợp pháp khác, cơ cấu giải thưởng trong các cuộc thi đấu thể thao được trao từ giải nhất đến giải ba và các giải khuyến khích do Ban tổ chức quyết định.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của sự nghiệp thể dục thể thao theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác *(nếu có)*.

Điều 5: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa....., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 20.../.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính *(Bộ Tư pháp)*;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Ủy ban MTTQVN tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Ban của HĐND, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin Điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

CHỦ TỊCH

- Luru VT.